

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO YÊN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24/11/2020

V/v “*Kiên ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Thế Xương;
2. Ông Trần Bá Đường;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiếu – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 125/2020/TLST - HNGĐ ngày 02/10/2020 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/11/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 26/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/11/2020 giữa :

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C- sinh năm 1974

Địa chỉ: Bản T, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. (có mặt)

Bị đơn: Anh Hoàng Văn H - Sinh năm 1972

Địa chỉ: Bản T, xã B, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày: Chị và anh Hoàng Văn H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992, không làm thủ tục đăng ký kết hôn và chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2002 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh H không chăm lo làm ăn, tính tình gia trưởng không nghe ai khuyên bảo góp ý, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Từ năm 2006 đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay chị C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn H theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị ba con chung: cháu Hoàng Minh Tg sinh năm 1993, cháu Hoàng Thu H sinh năm 1995 cháu Hoàng Đức H sinh năm 1997. Hiện các cháu đều đã đến tuổi trưởng thành nên chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Chị C không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Văn H: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H nhưng anh H không có văn bản trả lời và cũng không đến tòa án làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ, vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị C vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình, theo khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 – Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn anh Hoàng Văn H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh Hoàng Văn H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị C trên cơ sở căn cứ lời khai của đương sự, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Nguyễn Thị C và anh Hoàng Văn H chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Tuy nhiên việc chung sống của chị C và anh H là hoàn toàn tự nguyện, nhưng cho đến nay các bên vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình và hướng dẫn của nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000. Do vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa chị C và anh H là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận. Sau khi về chung sống với nhau, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh H không chăm lo làm ăn, tính tình gia trưởng không nghe ai khuyên bảo góp ý, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Anh chị sống ly thân từ năm 2006 đến nay không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay, chị Nguyễn Thị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Hoàng Văn H. Do vậy cần chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị C không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị C và anh Hoàng Văn H là phù hợp điều 9; khoản 1 điều 14; khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có ba con chung là: cháu Hoàng Minh Trang sinh năm 1993, cháu Hoàng Thu Hiền sinh năm 1995, cháu Hoàng Đức Huy sinh năm 1997. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu tiền án phí ly hôn theo khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 9; khoản 1 điều 14; khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Nguyễn Thị C và anh Hoàng Văn H.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001871 ngày 02/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên. Chị C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND (2);
- Các đương sự;
- THADS huyện Bảo Yên;
- Lưu HS; TA; VP.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Anh